

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025 ĐỘ TUỔI 18 - 24 THÁNG TUỔI

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường
Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp, bản thân tôi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học như sau:

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG:

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong CD
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a, Phát triển vận động			
1	- Trẻ có thể bắt chước một số động tác theo cô: Giơ tay lên cao - đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít thở. - Tay: + 2 tay giơ cao + 2 tay đưa phía trước + 2 tay đưa sang ngang + 2 tay đưa ra sau - Lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Nghiêng người sang 2 bên - Chân: + Dạng sang 2 bên + Ngồi xuống, đứng lên.	1-9
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8- 2m	- Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản. + Đi bước qua gậy + Đi có mang vật trên tay + Đi theo hiệu lệnh - Tập bước lên, xuống bậc thang	1 3 7 9 6 5 3
3	- Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô.	- Tập tung ném: + Ngồi lăn bóng + Ngồi lăn bóng bằng 2 tay	9 2

4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Tập bò, trườn: + Bò tới đích + Bò về phía trước + Trườn tới đích + Bò chui dưới gậy kê cao. + Trườn về phía trước + Bò đến vật chuẩn	1 4 6 8 2 7
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Tập tung, ném: + Đứng ném bóng + Đứng tung bóng + Ném bóng bằng 1 tay	5 4 8
6	- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	1-6
7	- Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn, xếp chồng được 2- 3 khối trụ.	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Đóng mở nắp có ren. - Xếp chồng 4 - 5 khối	3,4,8
b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	1,2
9	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	1,2,3
10	- Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	3-9
11	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	1,2 2,3

12	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước...)	4
13	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, chơi các vật sắc nhọn khi được nhắc nhở)	8,9
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
14	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi.	4 1 6,7 1,2,8 6,7
15	- Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Hình ảnh của bản thân trong gương.	3,5
16	- Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	3 4
17	- Trẻ biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	3
18	- Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, cây xanh, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc ở địa phương. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, cây xanh, quả quen thuộc ở địa phương - Tên của phương tiện giao thông gần gũi ở địa phương.	1,2,4 2,3 2,3 5,6,7,8 9
19	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo	- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ.	7 5

	yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.		
20	Nói được một số lễ hội: Tết trung thu, ngày 20/11...qua tranh ảnh	Tên, một số hoạt động nổi bật: Tết trung thu, ngày 20/11, tết nguyên đán, ngày 8/3...	1,3,6,7
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
21	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay....	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	1-6
22	- Trẻ hiểu được từ “không”: dùng hành động khi nghe “không được lấy!”, “ không được sờ!”...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	6,7,8
23	- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”; “con gì đây?”; “cái, gì đây?”.....	- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”.	1,2 5
24	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	4.5 8,9
25	- Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	1-9 1-9
26	- Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	- Phát âm các âm khác nhau.	9
27	- Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	6-9
IV. Lĩnh vực Phát triển tình cảm KNXH và Thẩm mỹ.			
28	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	3

29	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.	1,3,4
30	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	1,2,3
31	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	5
32	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	8,9
33	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1,2,4
34	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	5,6
35	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1-9
36	- Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh	9. 2,5,7

**PHÊ DUYỆT CỦA BGH
P. HIỆU TRƯỞNG**

Noong Hẹt, ngày tháng năm 2024
NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

LÒ THỊ PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ HIỀN



DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ 18-24.pdf